

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 23

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103021027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ bốn vào ngày 01 tháng 9 năm 2010.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 81 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Tên giao dịch tiếng Anh: EDUCATION FINANCIAL INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: EFI; JSC

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị	Bà Lã Thị Vân Anh	Chủ tịch
	Ông Phạm Thanh Nam	Phó Chủ tịch
	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Ủy viên
	Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên bổ nhiệm ngày 05/3/2011
	Ông Nguyễn Quốc Hùng	Ủy viên bổ nhiệm ngày 05/3/2011
	Ông Hoàng Lê Bách	Ủy viên miễn nhiệm ngày 24/02/2011

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Bà Lã Thị Vân Anh	Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Hồng Điệp	Phó Giám đốc

CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Tên Công ty con	: Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;
Vốn điều lệ	: 6.000.000.000 đồng;
Tỉ lệ kiểm soát	: 100%;
Ngành nghề	: Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
Trụ sở	: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Năm 2011, Công ty bắt đầu đi vào hoạt động.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì Hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Lã Thị Vân Anh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 16 tháng 02 năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (gọi tắt là “Công ty”) từ **trang 04 đến trang 23 kèm theo.**

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính..

Nguyễn Quế Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM (CPA VIETNAM)

Thành viên Hãng kiểm toán Moore Stephens International Limited

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Đinh Văn Thắng
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1147/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

h	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		105.470.973.138	141.978.017.665
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	23.795.657.409	37.458.076.634
1. Tiền	111		4.295.657.409	1.358.076.634
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.500.000.000	36.100.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	66.535.857.879	97.522.711.179
1. Đầu tư ngắn hạn	121		73.394.371.689	102.213.630.608
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.858.513.810)	(4.690.919.429)
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.087.870.067	6.935.484.137
1. Phải thu khách hàng	131		12.956.090.252	5.306.812.054
2. Trả trước cho người bán	132		117.682.438	172.097.160
5. Các khoản phải thu khác	135	5.3	2.014.097.377	1.456.574.923
IV- Hàng tồn kho	140		-	280.000
1. Hàng tồn kho	141		-	280.000
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		51.587.783	61.465.715
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	5.4	10.587.783	48.465.715
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	41.000.000	13.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		61.361.037.800	38.365.812.150
II Tài sản cố định	220		386.922.743	482.182.997
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	354.422.743	467.682.997
- Nguyên giá	222		752.925.563	742.425.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(398.502.820)	(274.742.566)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.7	32.500.000	14.500.000
- Nguyên giá	228		60.000.000	30.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(27.500.000)	(15.500.000)
III. Bất động sản đầu tư	240		29.210.314.500	24.960.000.000
1. Nguyên giá	241	5.8	29.210.314.500	24.960.000.000
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5.9	31.744.370.212	12.870.080.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		14.320.000.000	4.500.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		17.500.000.000	8.370.080.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(75.629.788)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		19.430.345	53.549.153
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	19.430.345	53.549.153
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		166.832.010.938	180.343.829.815

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2011	01/01/2011
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		8.631.980.610	10.757.689.337
I- Nợ ngắn hạn	310		8.631.980.610	10.757.689.337
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	4.500.000.000
2. Phải trả người bán	312		325.300	23.219.533
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	661.269.014	2.226.641.200
5. Phải trả người lao động	315		336.334.182	1.140.558.827
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	6.561.049.757	2.526.989.934
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		889.052.357	340.279.843
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		158.200.030.328	169.586.140.478
I- Vốn chủ sở hữu	410		158.200.030.328	169.586.140.478
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.13	134.257.000.000	134.257.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	5.13	22.834.332.577	22.834.332.577
4. Cổ phiếu quỹ	414	5.13	(15.280.840.625)	(2.549.028.525)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	5.13	1.063.129.590	535.964.300
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	5.13	1.165.163.816	637.998.526
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	5.13	14.161.244.970	13.869.873.600
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		166.832.010.938	180.343.829.815

Lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2011	Năm 2010
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.14	24.564.699.546	7.798.429.190
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.14	24.564.699.546	7.798.429.190
4. Giá vốn hàng bán	11	5.15	19.001.656.135	3.693.852.018
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		5.563.043.411	4.104.577.172
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.16	19.890.444.967	14.681.219.512
7. Chi phí tài chính	22	5.17	8.934.979.155	2.820.299.815
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23	<i>9.000.000</i>	<i>3.038.500</i>
8. Chi phí bán hàng	24		70.374.545	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.18	2.737.750.343	2.342.544.011
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		13.710.384.335	13.622.952.858
11. Thu nhập khác	31	5.19	300.000.000	207
12. Chi phí khác	32	5.19	-	5
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		300.000.000	202
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		14.010.384.335	13.622.953.060
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.20	2.748.787.825	3.079.647.268
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		11.261.596.510	10.543.305.792
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.21	886	1.306

Lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012
 Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2011	Năm 2010
		VND	VND
1	2	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. <i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	14.010.384.335	13.622.953.060
2. <i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
- Khấu hao tài sản cố định	02	135.760.254	125.703.810
- Các khoản dự phòng	03	2.261.872.610	2.636.289.715
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.255.465.812)	(13.748.122.911)
- Chi phí lãi vay	06	9.000.000	3.038.500
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08	5.161.551.387	2.639.862.174
3. <i>thay đổi vốn lưu động</i>			
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(8.142.507.998)	(6.579.681.419)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	280.000	28.730.000
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.806.313.618	2.327.832.383
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	34.118.808	(269.165.556)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.000.000)	(3.038.500)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.391.843.847)	(1.910.771.888)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	300.000.000	245.950.276
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(452.767.230)	(936.359.127)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	(5.693.855.262)	(4.456.641.657)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(40.500.000)	(25.001.636.363)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	16.162.727.273	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(113.428.972.568)	(70.889.242.094)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	108.689.087.889	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(9.820.000.000)	(4.920.080.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	1.833.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	19.946.648.968	13.748.122.911
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	21.508.991.562	(85.229.835.546)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	121.391.332.577
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(16.410.598.525)	(2.549.028.525)
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	7.055.017.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.500.000.000)	(2.555.017.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(8.566.957.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(29.477.555.525)	123.342.304.052
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(13.662.419.225)	33.655.826.849
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.458.076.634	3.802.249.785
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	23.795.657.409	37.458.076.634

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục (gọi tắt “ Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103021027 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 12 năm 2007, thay đổi lần thứ bốn vào ngày 01 tháng 9 năm 2010. Vốn điều lệ là 134.257.000.000 đồng.

Sở hữu vốn:

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.394.000	13.940.000.000	10,4%
Các Cổ đông khác	12.031.700	120.317.000.000	89,6%
Tổng	13.425.700	134.257.000.000	100%

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: EFI

Địa chỉ đăng ký: Số 81 đường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Số lao động bình quân: 20 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Theo đăng ký kinh doanh, Công ty hoạt động trong các lĩnh vực sau:

- Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm tư vấn pháp luật và tài chính);
- Dịch vụ tư vấn đầu tư thực hiện việc mua, bán doanh nghiệp;
- Tư vấn cổ phần hóa, xác định giá trị doanh nghiệp;
- Dịch vụ nghiên cứu phát triển thị trường;
- Xây dựng trường học các cấp;
- Dịch vụ tư vấn đầu tư và quản lý dự án;
- Xây dựng cao ốc;
- Cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác, vận hành tòa nhà;
- Cung cấp các sản phẩm dịch vụ việc giảng dạy trong nhà trường và dịch vụ vệ sinh học đường;
- Kinh doanh bất động sản; Kinh doanh giấy;
- Tổ chức hội nghị, hội thảo; Dịch vụ ủy thác đầu tư;
- Xây dựng và kinh doanh các khu du lịch, khu vui chơi giải trí, khách sạn, nhà hàng; Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế và các dịch vụ phục vụ khách du lịch (không bao gồm kinh doanh vũ trường, quán bar, phòng hát karaoke).

Trong năm 2011, Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực dịch vụ quản lý tòa nhà cho Nhà xuất bản Giáo dục, cho các đơn vị thuộc Nhà xuất bản giáo dục vay vốn và đầu tư chứng khoán.

CÔNG TY CON ĐƯỢC HỢP NHẤT

Tên Công ty con : Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và khai thác Bất động sản EFI;
Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng;
Tỷ lệ kiểm soát : 100%;
Ngành nghề : Dịch vụ môi giới bất động sản, dịch vụ định giá bất động sản, dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; dịch vụ tư vấn bất động sản, dịch vụ quảng cáo bất động sản, dịch vụ quản lý bất động sản, kinh doanh bất động sản, Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; khách sạn; tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại.
Trụ sở : Số 81 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư 244/2006/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính hợp nhất của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan, yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>2011</u> <u>(số năm)</u>
Phương tiện vận tải	08
Thiết bị dụng cụ quản lý	05
Tài sản khác	05

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Khoản đầu tư vào Công ty liên kết và liên doanh là khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng không trọng yếu được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 36 tháng.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	101.608.597	120.538.630
Tiền gửi ngân hàng	4.194.048.812	1.237.538.004
Các khoản tương đương tiền	19.500.000.000	36.100.000.000
Tổng	23.795.657.409	37.458.076.634

Các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn không quá 03 tháng.

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán	16.979.085.910	24.351.344.829
Cho vay vốn ngắn hạn	56.415.285.779	77.862.285.779
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(6.858.513.810)	(4.690.919.429)
Tổng	66.535.857.879	97.522.711.179

Chi tiết đầu tư chứng khoán ngắn hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn Sông Hình (VSH)	-	-	247.400	5.038.626.050
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển giáo dục Hà Nội (EID)	677.500	6.890.425.375	411.300	4.689.178.650
Công ty Cổ phần Sách Thiết bị trường học thành phố Hồ Chí Minh (STC)	258.300	3.195.404.460	257.000	3.183.284.235
Công ty Cổ phần Phát hành Sách & Thiết bị trường học Hưng Yên (HST)	239.000	2.413.900.000	239.000	2.413.900.000
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội (EBS)	132.000	1.025.323.525	235.000	2.349.334.750
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hồ Chí Minh (SGD)	-	-	112.100	1.043.303.600
Các loại cổ phiếu khác	-	3.454.032.550		5.633.717.544
Tổng	16.979.085.910	16.979.085.910	24.351.344.829	24.351.344.829

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn (Tiếp theo)

Chi tiết cho vay vốn ngắn hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Giáo dục Phương Nam	-	8.200.000.000
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.950.000.000	5.300.000.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà CAVICO Việt Nam	19.701.785.779	11.201.785.779
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha	8.400.000.000	8.400.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Huy Tuấn Phát	16.000.000.000	3.000.000.000
Công ty TNHH Kinh doanh XNK Như Quỳnh	-	500.000.000
Cho vay Hợp tác Đầu tư	8.363.500.000	10.260.500.000
Tổng	56.415.285.779	77.862.285.779

Các khoản cho vay đối với Nhà Xuất bản Giáo dục và các đơn vị có vốn góp của Nhà Xuất bản Giáo dục được thực hiện trên cơ sở tín chấp. Các khoản cho vay khác được thực hiện trên cơ sở các hợp đồng hợp tác đầu tư, hợp đồng cho vay có các ràng buộc về quyền lợi và nghĩa vụ khác ngoài lãi tiền vay, có tài sản đảm bảo.

5.3 Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Phải thu ủy thác đầu tư	744.890.000	867.890.000
Lãi cho vay vốn phải thu	-	497.884.390
Cổ tức phải thu	1.180.570.000	-
Các khoản khác	88.637.377	90.800.533
Tổng	2.014.097.377	1.456.574.923

5.4 Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	10.587.783	-
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	48.465.715
Tổng	10.587.783	48.465.715

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	1.000.000	13.000.000
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	40.000.000	-
Tổng	41.000.000	13.000.000

5.6 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị: VND

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2011	587.034.280	142.146.783	13.244.500	742.425.563
Tăng trong năm	-	10.500.000	-	10.500.000
Mua trong năm	-	10.500.000	-	10.500.000
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	587.034.280	152.646.783	13.244.500	752.925.563
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2011	207.907.968	59.770.860	7.063.738	274.742.566
Tăng trong năm	73.379.280	47.732.069	2.648.905	123.760.254
Khấu hao trong năm	73.379.280	47.732.069	2.648.905	123.760.254
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2011	281.287.248	107.502.929	9.712.643	398.502.820
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2011	379.126.312	82.375.923	6.180.762	467.682.997
Tại 31/12/2011	305.747.032	45.143.854	3.531.857	354.422.743

5.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được phản ánh theo giá gốc và trình bày theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Phần mềm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

5.8 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất và giá trị các công trình kiến trúc trên đất của các lô đất Công ty đã mua nhằm mục đích chờ tăng giá để bán trong tương lai, bao gồm các địa điểm sau:

- Lô E5 khu phức hợp đô thị, Thương mại Dịch vụ Royal Ea 1, phường Mỹ An, quận Ngũ Hành Sơn, thành phố Đà Nẵng;
- Số 02, Khu tái định cư đường Nguyễn Văn Linh nối dài, phường Nam Dương, quận Hải Châu, Đà Nẵng;
- Số 256,258, đường Phan Chu Chinh, phường Nam Dương, quận Hải Châu, Đà Nẵng.

5.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2011		01/01/2011	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty liên doanh, liên kết	-	14.320.000.000		4.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (*)	-	14.320.000.000	-	4.500.000.000
Đầu tư dài hạn khác	525.000	17.500.000.000	762.008	8.370.080.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Đà Nẵng	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Gia Định	35.000	350.000.000	35.000	350.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
Công ty Sách Thiết bị Trường học Hà Tây	125.000	2.000.000.000	125.000	2.000.000.000
Viện Công nghệ Giáo dục	5.000	50.000.000	5.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	250.000	2.500.000.000	250.000	2.500.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục 2	-	-	237.008	2.370.080.000
Công ty Cổ phần Tòa nhà Cavico Việt Nam (*)	-	11.500.000.000	-	-
Tổng		31.820.000.000		12.870.080.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn		75.629.788		
Tổng cộng		31.744.370.212		12.870.080.000

Thông tin bổ sung về khoản đầu tư :

(*) Đầu tư theo Hợp đồng liên doanh số 01/2008/HĐLD ngày 20 tháng 02 năm 2008 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục, Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng và Công ty TNHH Đầu tư và Xúc tiến thương mại KAF về việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (Incomex-Pushishing House) thực hiện đầu tư xây dựng Công trình hỗn hợp cao tầng tại 187 Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

(*) Hợp đồng chuyển nhượng Văn phòng ngày 13/12/2011, giữa Ông Nguyễn Thanh Hà và Công ty Cổ phần tòa nhà Cavico Việt Nam cho Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục toàn bộ sản tầng 15 của tòa nhà Cavico Việt Nam. Đã tạm ứng toàn bộ tiền theo hợp đồng là 11.500.000.000 đồng. Hợp đồng đã Công chứng.

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	53.549.153	59.481.792
Tăng	12.090.909	43.429.089
Phân bổ vào chi phí	46.209.717	49.361.728
Tại ngày 31 tháng 12	19.430.345	53.549.153
	31/12/2011	01/01/2011
Chi tiết khoản mục chi phí	VND	VND
Chi phí công cụ, dụng cụ	19.430.345	53.549.153
Tổng	19.430.345	53.549.153

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	111.029.210	104.635.688
Thuế thu nhập doanh nghiệp	478.949.490	2.122.005.512
Thuế thu nhập cá nhân	71.290.314	-
Tổng	661.269.014	2.226.641.200

5.12 Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	47.352.276	14.381.355
Bảo hiểm xã hội	39.876.481	30.071.579
Các khoản phải trả, phải nộp khác	6.473.821.000	2.482.537.000
<i>Lãi ủy thác đầu tư vào Công ty cổ phần Đầu tư IP Việt Nam</i>	<i>58.931.000</i>	<i>94.397.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư IP Việt Nam (ủy thác đầu tư)</i>	<i>5.670.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
<i>Ngạc Đình Ước (ủy thác đầu tư)</i>	<i>744.890.000</i>	<i>867.890.000</i>
<i>Các khoản khác</i>	<i>-</i>	<i>20.250.000</i>
Tổng	6.561.049.757	2.526.989.934

Các cá nhân ủy thác đầu tư vào Công ty Cổ phần đầu tư IP Việt nam số tiền là 5.670.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.13 Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2010	35.700.000.000	-	-	-	102.034.226	(84.965.774)	5.448.969.228	41.166.037.680
Tăng trong năm	98.557.000.000	22.834.332.577	(2.549.028.525)	535.964.300	535.964.300	513.932.426	10.543.305.792	130.971.470.870
Góp vốn	98.557.000.000	22.834.332.577	-	-	-	-	-	121.391.332.577
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	10.543.305.792	10.543.305.792
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	535.964.300	535.964.300	513.932.426	-	1.585.861.026
Tăng khác	-	-	(2.549.028.525)	-	-	-	-	(2.549.028.525)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	428.966.652	2.122.401.420	2.551.368.072
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	1.875.875.050	1.875.875.050
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	246.526.370	246.526.370
Chi thưởng	-	-	-	-	-	428.966.652	-	428.966.652
Số dư tại 31/12/2010	134.257.000.000	22.834.332.577	(2.549.028.525)	535.964.300	637.998.526	-	13.869.873.600	169.586.140.478
Số dư tại 01/01/2011	134.257.000.000	22.834.332.577	(2.549.028.525)	535.964.300	637.998.526	-	13.869.873.600	169.586.140.478
Tăng trong năm	-	-	(12.731.812.100)	527.165.290	527.165.290	-	11.261.596.510	(415.885.010)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	527.165.290	527.165.290	-	-	1.054.330.580
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	-	-	11.261.596.510	11.261.596.510
Tăng khác (mua cổ phiếu quỹ)	-	-	(12.731.812.100)	-	-	-	-	(12.731.812.100)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-	10.970.225.140	10.970.225.140
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	8.566.957.000	8.566.957.000
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	2.403.268.140	2.403.268.140
Số dư tại 31/12/2011	134.257.000.000	22.834.332.577	(15.280.840.625)	1.063.129.590	1.165.163.816	-	14.161.244.970	158.200.030.328

5.13 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.394.000	13.940.000.000	10,4%
Các Cổ đông khác	12.031.700	120.317.000.000	89,6%
Tổng	13.425.700	134.257.000.000	100%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	134.257.000.000	35.700.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	98.557.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	134.257.000.000	134.257.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	8.566.957.000	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2011	01/01/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.425.700	3.570.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	13.425.700	3.570.000
Cổ phiếu phổ thông	13.425.700	3.570.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	2.220.800	-
Cổ phiếu phổ thông	2.220.800	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.204.900	13.425.700
Cổ phiếu phổ thông	11.204.900	13.425.700
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

5.14 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Doanh thu bán bất động sản	16.162.727.273	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.401.972.273	7.798.429.190
Tổng	24.564.699.546	7.798.429.190

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH GIÁO DỤC

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH(TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN/HN

5.15 Giá vốn hàng bán

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Giá vốn bất động sản	15.140.864.909	-
Giá vốn cung cấp dịch vụ	3.860.791.226	3.693.852.018
Tổng	19.001.656.135	3.693.852.018

5.16 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	16.426.127.474	7.962.648.953
Lãi đầu tư cổ phiếu	303.770.989	4.481.110.169
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.158.046.466	1.304.363.789
Phí tư vấn doanh nghiệp	-	90.909.091
Phí cam kết mua cổ phần, phí ủy thác đầu tư	-	841.981.819
Doanh thu khác	2.500.038	205.691
Tổng	19.890.444.967	14.681.219.512

5.17 Chi phí tài chính

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí Lãi vay	9.000.000	3.038.500
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	2.173.959.241	2.803.025.315
Chi phí hoạt động tài chính khác	6.752.019.914	14.236.000
Tổng	8.934.979.155	2.820.299.815

5.18 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.623.778.594	1.295.026.559
Chi phí vật liệu quản lý	-	73.147.614
Chi phí đồ dùng văn phòng	125.604.710	26.813.993
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.646.618	125.703.810
Thuế, phí và lệ phí	13.926.900	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.900.512	313.631.444
Chi phí quản lý bằng tiền khác	611.893.009	505.220.591
Tổng	2.737.750.343	2.342.544.011

5.19 Thu nhập khác/Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu nhập khác	300.000.000	207
Thu nhập khác (tiền đền bù do vi phạm hợp đồng)	300.000.000	-
Thu nhập khác	-	207
Chi phí khác	-	5
Chi phí khác	-	5
Lợi nhuận từ hoạt động khác	300.000.000	202

5.20 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ hiện hành

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	14.010.384.335	13.622.953.060
Điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế (lãi liên doanh liên kết, nhận cổ tức)	3.150.746.466	1.304.363.789
Lợi nhuận tính thuế	10.859.637.869	12.318.589.271
Lợi nhuận kinh doanh bất động sản	1.021.862.364	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	9.837.775.505	-
Thuế suất áp dụng	25%	25%
Thuế thu nhập hiện hành	2.748.787.825	3.079.647.268
Thuế thu nhập hiện hành được miễn giảm	-	-
Chi phí thuế TNDN kỳ hiện hành	2.748.787.825	3.079.647.268

5.21 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2011	Năm 2010
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	11.261.596.510	10.543.305.792
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	11.261.596.510	10.543.305.792
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	12.710.887	8.070.751
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	886	1.306

5.22 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	222.390.665	136.096.536
Chi phí nhân công	3.144.134.353	2.701.053.115
Chi phí khấu hao tài sản cố định	137.646.618	125.703.810
Thuế, phí và lệ phí	13.926.900	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.190.879.560	2.300.314.177
Chi phí khác bằng tiền	959.938.018	770.228.391
Tổng	6.668.916.114	6.036.396.029

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ban Giám đốc Công ty nhận định, trên khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện quan trọng nào phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phát hành báo cáo cần thuyết minh hoặc điều chỉnh trên Báo cáo tài chính này.

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt và Cổ đông

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hội đồng Quản trị	Thù lao Hội đồng Quản trị	268.760.000	261.222.210
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban điều hành	Lương cho thành viên HĐQT và Ban điều hành	913.879.625	779.941.695

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
<i>Giao dịch liên quan đến doanh thu</i>			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cung cấp dịch vụ	8.331.972.273	7.798.429.190
<i>Cho vay vốn</i>			
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông sáng lập	4.500.000.000	3.300.000.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	30.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Giáo dục 2	Có vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	500.000.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Như trên	2.000.000.000	-

Phải thu về gốc vay, lãi vay, và tiền cung cấp dịch vụ

		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông sáng lập	6.098.310.305	9.900.516.039
Công ty Cổ phần sách Giáo dục tại Hà Nội	Có vốn góp của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	30.387.500.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Như trên	2.370.000.000	8.200.000.000
Công ty Cổ phần Sách dân tộc	Như trên	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Xuất bản Đà Nẵng	Như trên	54.705.500	40.705.500
Công ty Cổ phần Dịch vụ xuất bản Giáo dục Hà Nội	Như trên	2.035.305.577	-

6.3 Số liệu so sánh

Năm 2011 là năm đầu tiên Công ty lập Báo cáo tài chính hợp nhất, do đó không có số liệu so sánh tương ứng. Số liệu so sánh trình bày là của Công ty Mẹ mang mục đích tham khảo.

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2012

Lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Bùi Văn Dũng

Bùi Văn Dũng

Lã Thị Vân Anh